

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ VEGITO
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ VEGITO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VEGITO INVESTMENT AND INTERNATIONAL TRADE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108580081

3. Ngày thành lập: 09/01/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 18, TT6 Đô thị mới Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 098 407 6955

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế, nha khoa	4659
2.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
3.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
4.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
5.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
6.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa; - Môi giới mua bán hàng hóa	4610
7.	Vận tải hành khách đường sắt	4911
8.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
9.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
10.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
11.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
12.	Bốc xếp hàng hóa	5224

13.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
14.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào	4634
15.	Giáo dục nhà trẻ	8511
16.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
17.	Đào tạo sơ cấp	8531
18.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
19.	Sản xuất đường	1072
20.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
21.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
22.	Xây dựng công trình thủy	4291
23.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
24.	Chuyển phát	5320
25.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn, môi giới, sàn giao dịch và quản lý bất động sản (Điều 3 Luật kinh doanh bất động sản năm 2014)	6820
26.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
27.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
28.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
29.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
30.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế - Bán buôn nước hóa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
31.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
32.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
33.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
34.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
35.	Sản xuất chè	1076
36.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
37.	Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự	1074
38.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075

39.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất thực phẩm chức năng, thực phẩm dinh dưỡng; - Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: Đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hóocmôn.	1079
40.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
41.	Sản xuất giày, dép	1520
42.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
43.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
44.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
45.	Xây dựng nhà để ở	4101
46.	Xây dựng nhà không để ở	4102
47.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
48.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
49.	Xây dựng công trình điện	4221
50.	Phá dỡ	4311
51.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
52.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
53.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
54.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
55.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4513
56.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
57.	Bán buôn đồ uống	4633
58.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
59.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn thực phẩm chức năng - Kinh doanh thực phẩm dinh dưỡng	4632(Chính)
60.	Bán mô tô, xe máy	4541

61.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; - Logistic	5229
62.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
63.	Sản xuất cà phê	1077
64.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
65.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
66.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
67.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4543
68.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
69.	Giáo dục mẫu giáo	8512
70.	Giáo dục tiểu học	8521
71.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
72.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
73.	Đào tạo trung cấp	8532
74.	Đào tạo cao đẳng	8533
75.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
76.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
77.	Bưu chính	5310
78.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
79.	In ấn	1811
80.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
81.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
82.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
83.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
84.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN BÁ TRUNG	Xóm Dũng Tiến, Xã Hương Gián, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	500.000	5.000.000.000	25,000	B5688591	
			Tổng số	500.000	5.000.000.000	25,000		
2	NGUYỄN VĂN TÂN	Thôn Nghĩa Trạch, Xã Ngọc Liên, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	500.000	5.000.000.000	25,000	142100071	
			Tổng số	500.000	5.000.000.000	25,000		
3	PHẠM VĂN TRƯỜNG	Thôn Bàn Kết, Xã Tân Khánh, Huyện Vụ Bản, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	500.000	5.000.000.000	25,000	C6395686	
			Tổng số	500.000	5.000.000.000	25,000		
4	TRẦN QUANG LÂM	Thôn Hương Trai, Xã Minh Tân, Huyện Lương Tài, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	5,000	B6063931	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	5,000		
5	NGUYỄN XUÂN NAM	Thôn An Phú, Xã Xuân Phú, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	5,000	122117824	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	5,000		
6	PHẠM THỊ HỒNG NHUNG	Thôn An Hòa, Xã Yên Bình, Huyện ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	5,000	036192004056	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	5,000		
7	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	Thôn Văn Thai, Xã Cẩm Văn, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	5,000	142569870	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	5,000		
8	NGUYỄN VĂN DŨNG	Thôn An Phú, Xã Xuân Phú, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	5,000	121937564	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	5,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN BÁ TRUNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 09/09/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu Việt Nam

Số giấy chứng thực cá nhân: B5688591

Ngày cấp: 18/08/2011

Nơi cấp: Cục quản lý xuất nhập cảnh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Dũng Tiến, Xã Hương Gián, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Xóm Dũng Tiến, Xã Hương Gián, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội